

V/v ly hôn

trạng vợ chồng ngày càng căng thẳng. Nay bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn H.

Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà H và ông H có 03 con chung là Nguyễn Trịnh Bích T sinh năm 1997, Nguyễn Trịnh Bích L sinh năm 2001 và Nguyễn Trịnh Công S sinh ngày 28/6/2007. Hiện nay, chị T và chị L đã đủ 18 tuổi và đã lập gia đình nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng. Đối với cháu S, hiện nay đang sống cùng với bà H, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu S và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 31/3/2023 và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Tuấn H trình bày:

Về yêu cầu ly hôn: Ông H và bà H tự nguyện sống chung với nhau năm 1996 nhưng đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Cam Thành Bắc. Trong thời gian chung sống vợ chồng ông H có xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên kinh cãi nhau, trong lúc kinh cãi ông H có đánh bà H. Ông H không đồng ý ly hôn, vì cho rằng vợ chồng chỉ mâu thuẫn nhỏ. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cách nuôi dạy con cái, mỗi người mỗi ý khác nhau.

Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng ông H có 03 con chung là Nguyễn Trịnh Bích T sinh năm 1997 và Nguyễn Trịnh Bích L sinh năm 2001 và Nguyễn Trịnh Công S sinh ngày 28/6/2007. Trường hợp phải ly hôn, ông H đồng ý giao cháu S cho bà H nuôi dưỡng, giáo dục và ông H không cấp dưỡng nuôi con. Các chị T, L đã đủ 18 tuổi và đã lập gia đình nên ông H cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng.

Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

- Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Trịnh Thị Thúy H và bị đơn ông Nguyễn Tuấn H đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn cũng như về việc nuôi con, cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 20/02/2023, bà Trịnh Thị Thúy H có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Tuấn H, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về yêu cầu ly hôn*: Bà Trịnh Thị Thúy H và ông Nguyễn Tuấn H tự nguyện kết hôn với nhau năm 2004 và được UBND xã Cam Thành Bắc, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 106 quyển số 01 ngày 13/9/2004, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà H, ông H đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên kình cãi nhau. Bà H cho rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do ông H có tính gia trưởng, thường xuyên gây sự ghen tuông, chửi mắng, xúc phạm, đánh đập bà H. Ông H thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ, thường xuyên kình cãi nhau, có đánh bà H; nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách nuôi dạy con cái và bà H có quan hệ tình cảm với người khác. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng bà H, ông H đã xảy ra từ lâu, bà H đã từng khởi kiện ly hôn nhưng rút đơn để tạo cơ hội cho vợ chồng hàn gắn. Tuy nhiên, tình trạng vợ chồng bà H, ông H vẫn không thay đổi. Mặc dù, ông H không đồng ý ly hôn nhưng ông H không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bà H vẫn kiên quyết ly hôn. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Trịnh Thị Thúy H là có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con*: Bà H và ông H có 03 con chung là Nguyễn Trịnh Bích T sinh năm 1997, Nguyễn Trịnh Bích L sinh năm 2001 và Nguyễn Trịnh Công S sinh ngày 28/6/2007. Hiện nay, chị T, chị L đã đủ 18 tuổi, đều khỏe mạnh, đã lập gia đình và bà H, ông H không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu S, cháu S cũng có nguyện vọng ở với mẹ, đồng thời ông H cũng đồng ý giao cháu S cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà H nên giao cháu S cho bà H nuôi dưỡng, giáo dục. Bà H không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] *Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn*: Bà H và ông H không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] *Về án phí*: Bà H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Trịnh Thị Thúy H được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn H.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

- Giao cháu Nguyễn Trịnh Công S sinh ngày 28/6/2007 cho bà Trịnh Thị Thúy H được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu nên không xét.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Bà H và ông H không yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Bà Trịnh Thị Thúy H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0009537 ngày 09/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lâm; bà Trịnh Thị Thúy H đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Quy định: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Cam Lâm;
- THADS huyện Cam Lâm;
- UBND xã Cam Thành Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hoài Tâm